

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU SƠN
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 15/2021/HNGĐ-ST

Ngày 20/5/2021

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Chung và bà Nguyễn Thị Trúc.

- Th ký phiên tòa: Ông Lê Ngọc Thành - Th ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm C khai vụ án thụ lý: 10/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2021, về: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 05/5/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hà Thị G, sinh năm 1984

2. Bị đơn: Anh Lê Đình C, sinh năm 1980

Cùng địa chỉ: Thôn D, xã H, huyện Tr, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt chị G và anh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hà Thị G trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Lê Đình C kết hôn với nhau ngày 27/6/2005 trên cơ sở tự nguyện, thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hợp Thành, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa và tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Quá trình chung sống vợ chồng hành phúc cho đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng trong quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình dẫn đến Thông xuyên

cãi cộ, có lúc dẫn đến xô xát. Anh C thường xuyên không lo làm ăn, chơi bời, Thờng xuyên đánh đập chị. Gia đình hai bên đã hòa giải nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng thêm. Từ năm 2018 cho đến nay chị và anh C đã sống ly thân nhau, trong thời gian ly thân mỗi người tự lo cho bản thân mình, không ai quan tâm đến ai. Nay, chị xác định giữa vợ chồng anh chị không còn yêu Thương, quý trọng nhau, không còn tình cảm với anh C, nên chị mong muốn được ly hôn với anh C.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung là Lê Đình V, sinh ngày 05/01/2006 và Lê Thị Th, sinh ngày 08/4/2011. Hiện nay cháu V đang sống với anh C, cháu Th đang sống với chị. Tại đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 02/02/2021 chị yêu cầu được nuôi cháu Th, tại biên bản hòa giải ngày 05/02/2021 chị đồng ý để anh C nuôi cả hai con. Tại đơn xin thay đổi ý kiến ngày 08/02/2021 và tại phiên tòa chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Th, giao cháu V cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị làm C nhân thu nhập 7.000.000đồng/tháng.

- *Về tài sản*: Chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 05/02/2021, biên bản hòa giải ngày 05/02/2021, bản tự khai ngày 17/02/2021 và tại phiên tòa bị đơn anh Lê Đình C trình bày:

- *Về hôn nhân*: Anh với chị Hà Thị G, kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hợp Thành, huyện Triệu Sơn. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng trong quan điểm sống từ năm 2017. Từ tháng 6 năm 2018 cho đến nay anh và chị G đã sống ly thân nhau, trong thời gian ly thân mỗi người tự lo cho bản thân mình, không ai quan tâm đến ai. Chị G cương quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, tại bản tự khai ngày 17/02/2021 anh thay đổi ý kiến và tại phiên tòa anh không đồng ý ly hôn với chị G với lý do chị G đòi nuôi con chung là cháu Lê Thị Th. Anh xin được đoàn tụ.

- *Về con chung*: Anh chị có 02 con chung là Lê Đình V, sinh ngày 05/01/2006 và Lê Thị Th, sinh ngày 08/4/2011. Hiện nay cháu V đang sống với anh, cháu Th đang sống với chị G. Nếu phải ly hôn, anh C yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con, không yêu cầu chị G phải cấp dưỡng nuôi con chung. Nếu không được nuôi cả hai con, anh đề nghị giải quyết theo pháp luật. Hiện nay anh làm than sinh học thu nhập 15.000.000đồng/tháng.

- *Về tài sản*: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát có quan điểm: Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội thẩm

nhân dân, Th ký Tòa án đã chấp hành đúng quy định pháp luật. Đối với các đương sự: Nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Qua tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các bên đương sự tại phiên tòa thấy rằng, yêu cầu khởi kiện của chị G là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị G được ly hôn anh C; Về con chung, đề nghị giao cháu Lê Thị Th cho chị G được quyền trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Lê Đình V cho anh C được quyền trực tiếp nuôi dưỡng; Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Chị G xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Cả chị G và anh C đều có địa chỉ tại: Thôn Diễn Phú, xã Hợp Thành, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa nên Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn đã thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Hà Thị G và anh Lê Đình C kết hôn với nhau năm 2005 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn và không vi phạm điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp. Chị G và anh C đều thừa nhận, quá trình chung sống đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng trong quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình dẫn đến Thường xuyên cãi cọ, có lúc dẫn đến xô xát. Gia đình hai bên đã hòa giải nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng thêm. Từ năm 2018 cho đến nay chị G và anh C đã sống ly thân nhau, trong thời gian ly thân mỗi người tự lo cho bản thân mình, không ai quan tâm đến ai. Chị G yêu cầu ly hôn, tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 05/02/2021 thì anh C cũng xét thấy tình cảm không còn, anh đồng ý ly hôn với chị G. Tuy nhiên, ngày 17/02/2021 và tại phiên tòa vì chị G xin nuôi cháu Th nên anh C không đồng ý ly hôn.

Xét thấy, chị G thực sự không còn tình cảm với anh C, anh C ban đầu đồng ý ly hôn vì tình cảm không còn, sau anh mong muốn đoàn tụ nhưng trong quá trình giải quyết vụ án anh không gặp được chị G và cũng đưa ra được phương án

để vợ chồng đoàn tụ. Đến nay chị G vẫn tha thiết xin ly hôn, với lý do vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn được và vợ chồng đã sống ly thân từ lâu và không còn quan tâm đến nhau.

Theo quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ Thông yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng cuộc sống, hạnh phúc gia đình, nhưng ở đây chị G đã thực sự không còn tình cảm với anh C, vợ chồng Thường hay cãi nhau và thời gian ly thân đã lâu, hai bên không quan tâm đến nhau. Do đó nếu buộc anh chị quay về đoàn tụ thì cuộc sống vợ chồng cũng khó cải thiện được. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị G và căn cứ Điều 56 Luật HN&GD xử cho chị G được ly hôn anh C là phù hợp.

[2.2] Về con: Chị G và anh C đều khai thống nhất, vợ chồng có 02 con chung là Lê Đình V, sinh ngày 05/01/2006 và Lê Thị Th, sinh ngày 08/4/2011. Hiện nay cháu V đang sống với anh C, cháu Th đang sống với chị G. Ly hôn chị G xin được nuôi dưỡng cháu Th, giao cháu V cho anh C nuôi dưỡng và không ai phải cấp dưỡng. Anh C xin được nuôi cả hai con và không yêu cầu chị G cấp dưỡng.

Xét thấy nguyện vọng được nuôi con của anh, chị là hoàn toàn chính đáng. Tuy nhiên việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt về quyền lợi của con chưa thành niên. Anh C và chị G đều có khả năng chăm sóc các cháu tốt. Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án các con chung của anh chị đã có ý kiến là nguyện vọng của cháu V là được sống với anh C, nguyện vọng của cháu Th là được sống với chị G. Tòa án cũng đã tiến hành xác minh tại địa phương, qua xác minh xác định: Anh C làm lao động tự do, chị G làm C nhân có thu nhập đủ điều kiện để chăm sóc con cái, hiện cháu Th đang ở với chị G, cháu V ở với anh C. Vì vậy, để cuộc sống của con không bị xáo trộn, không bị ảnh hưởng đến tâm, sinh lý; nhằm đảm bảo quyền lợi và sự phát triển về mọi mặt cho con. Nên cần áp dụng Điều 81 và 82 Luật HN&GD giao cháu Th cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu V cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do mỗi người nuôi một cháu, anh chị đều có việc làm, có thu nhập. Nên không hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cùng nhau.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị G và anh C đều không yêu cầu giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Hà Thị G là nguyên đơn trong vụ án nên buộc chị G phải chịu án phí dân sự hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000^d.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56; khoản 1 Điều 57; Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị G.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Hà Thị G và anh Lê Đình C.

2. Về nuôi con chung:

2.1. C nhận vợ chồng có 02 con chung gồm:

+ Lê Đình V - Sinh ngày 05 tháng 01 năm 2006;

+ Lê Thị Th - Sinh ngày 08 tháng 4 năm 2011.

2.2. Giao con chung là Lê Thị Th cho chị Hà Thị G trực tiếp nuôi dưỡng.

2.3. Giao con chung Lê Đình V cho anh Lê Đình C trực tiếp nuôi dưỡng.

2.4. Chị G và anh C không phải cấp dưỡng nuôi con cùng nhau.

2.5. Chị G, anh C có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản: Chị G và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Hà Thị G phải chịu 300.000^d tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000^d theo biên lai thu tiền số 0004322 ngày 06/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn. Chị G đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6; 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Chị G, anh C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Triệu Sơn;
- Thi hành án dân sự;
- UBND xã Hợp Thành (Ghi sổ hộ tịch)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Ngọc Tuấn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Chung

Nguyễn Thị Trúc

Hoàng Ngọc Tuấn

